

Bản án số: 216/2019/DS-PT  
Ngày: 22-3-2019  
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại  
do xây dựng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Kim Dung

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Liên Minh  
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/3/2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 566/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 853/2012/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Tòa án nhân dân quận V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 912/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1/ Ông **Nguyễn Huy T**, sinh năm 1962.

2/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1961.

Cùng cư trú tại: Đường A, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Luật sư **Nguyễn Hữu M** – Văn phòng luật sư Hữu Mẫn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Đường C, Phường D, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Xuân N**, sinh năm 1954; cư trú tại: Đường A1, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phan Thị Minh O**, sinh năm 1956; cư trú tại: Đường A1, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bà O:* Ông **Võ Xuân N**, sinh năm 1954; cư trú tại: Đường A, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/01/2019).

*- Người giám định:*

1/ **Công ty cổ phần S**; Trụ sở: Đường E, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Đôn D1** – Tổng Giám đốc.

2/ **Công ty cổ phần T1**; Trụ sở: Đường I, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng đại diện: Đường U, Phường R, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn P** – Tổng Giám đốc.

*- Người kháng cáo:* ông **Võ Xuân N** là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Huy T, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Căn nhà mang số 265 (số cũ 107A) Đường A, Phường B, quận V là tài sản của ông bà đứng chủ quyền sở hữu do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/2/1999, nhà ông Võ Xuân N và bà Phan Thị Minh O là nhà số 267 (số cũ 107B) liền kề với nhà ông bà. Tháng 12/2010 ông N, bà O xây dựng lại nhà mới 1 trệt, 2 lầu, khi bắt đầu khởi công xây dựng phía nhà ông N đã cho thợ dùng máy phá bê tông tháo dỡ nhà cũ làm thủng tường, sập la-phông, hờ đà gỗ, vỡ tường, nứt tường, nứt cột, không đóng được cửa. Thanh tra xây dựng xuống lập biên bản hòa giải nhưng ông N không khắc phục. Tại đơn khởi kiện, ông T, bà H yêu cầu ông N, bà O bồi thường 200.000.000 đồng để tự khắc phục, sửa chữa.

Ngày 16/8/2011 Tòa án ra quyết định trưng cầu kiểm định thiệt hại xây dựng. Nay, ông T, bà H yêu cầu ông N, bà O phải bồi thường thiệt hại xây dựng theo giá của công ty kiểm định kết luận là 118.172.000 đồng.

*Bị đơn ông Võ Xuân N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Minh O trình bày:*

Nhà ông bà mang số 267 (số cũ 107B) Đường A, Phường B, quận V theo giấy chứng nhận sở hữu số 15828/98 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/1998, do nhà hư cũ nên ông bà có xin phép xây dựng lại nhà. Theo giấy phép xây dựng số 4718/GP-XD ngày 17/12/2010 thì được phép xây dựng 1 trệt 3 lầu và mái che cầu thang nhưng ông chỉ xây dựng 1 trệt 2 lầu và mái che cầu thang. Khi khởi công xây dựng thực tế có làm thủng tường nhà ông T, ông có mua vật tư kê thợ sửa chữa nhưng ông T không cho, khi nhà ông xây được lên tầng 1, thợ đưa tay ra ngoài tô thì bà H không cho tô; nhà ông T là nhà cũ, xây dựng trên 15 năm, nhà cấp 4 đã hư hỏng, xuống cấp có nhiều vết nứt to chứ không phải nguyên nhân chủ yếu do nhà ông xây dựng gây nên, ông đồng ý sẽ bồi thường cho nhà ông T 45.000.000 đồng. Ông không đồng ý với kết quả kiểm định xây dựng của Công ty S vì kiểm định không đúng với thực tế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 853/2012/DS-ST ngày 30/11/2012 của Tòa án nhân dân quận V đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, Điều 205, Điều 243, Điều 245 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 307, Điều 627, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Võ Xuân N và bà Phan Thị Minh O có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Huy T và bà Nguyễn Thị H số tiền 128.072.000 đồng (gồm 118.172.000 đồng tiền bồi thường và 9.900.000 đồng tiền chi phí kiểm định).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông T, bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N, bà O vẫn không thực hiện thì hàng tháng ông N, bà O còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Khi ông T, bà H đã nhận đủ tiền bồi thường của ông N thì có trách nhiệm gỡ bỏ hàng rào dây kẽm gai giăng phía ngoài để nhà ông N được tiếp tục tô phần tường bên ngoài phía nhà ông T.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm

- Ông N, bà O chịu 6.403.600 (Sáu triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm) đồng.

- Hoàn trả cho ông T 5.000.000 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu số 08097 ngày 20/6/2011 của Chi cục Thi hành án quận V.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/12/2012, bị đơn ông Võ Xuân N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 30/9/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 1415/2013/QĐ-PT với lý do bị đơn ông Võ Xuân N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ngày 04/8/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 220/2017/KN-DS kháng nghị quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 1415/2013/QĐ-PT ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/02/2018, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định giám đốc thẩm số 110/2018/DS-GĐT chấp

nhận kháng nghị số 220/2017/KN-DS ngày 04/8/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 1415/2013/QĐ-PT ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Ông Võ Xuân N là bị đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Minh O trình bày:*

Ông bà chỉ đồng ý bồi thường cho nguyên đơn số tiền khắc phục là 85.780.000 đồng theo như kết luận kiểm định của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định Hưng Thịnh. Chi phí của hai lần kiểm định tổng cộng là 29.900.000 đồng phải do nguyên đơn chịu. Trước đây, do bị cưỡng chế thi hành bản án sơ thẩm nên ông đã trả cho nguyên đơn số tiền 128.072.000 đồng, như vậy hiện nay bị đơn phải trả lại cho ông tiền chênh lệch. Ông chỉ yêu cầu ông T, bà H trả lại số tiền 45.000.000 đồng.

*Luật sư Nguyễn Hữu M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Huy T, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Kết quả kiểm định lần thứ nhất của Công ty cổ phần S là chính xác, phía bị đơn cũng đã chấp nhận bồi thường số tiền như án sơ thẩm đã tuyên. Lần kiểm định thứ hai là do bị đơn yêu cầu và cũng đã đồng ý chịu chi phí này. Nay bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại là không hợp lý. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Huy T, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của luật sư, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm. Chỉ buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 85.780.000 đồng theo như kết quả giám định của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định Hưng Thịnh. Về chi phí giám định đề nghị giải quyết theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại cấp sơ thẩm, theo kết luận kiểm định số 302.11/KĐ.32.SCQC ngày 14/02/2012 của Công ty cổ phần S nguyên nhân chủ yếu gây hư hỏng công trình 107A (số mới 265) Đường A của ông Nguyễn Huy T, bà Nguyễn Thị H là do tác động của quá trình thi công công trình 107B (số mới 267) Đường A của ông Võ Xuân N, bà Phan Thị Minh O gây ra. Công ty kiểm định đưa ra biện pháp khắc phục cho công trình 107A bao gồm: tháo dỡ và xây mới (có tận dụng lại một số vật liệu) đối với khối nhà trước với chi phí 78.588.000 đồng và sửa chữa đối với khối nhà sau với chi phí 39.584.000 đồng; tổng cộng là 118.172.000 đồng.

Sau khi bị đơn kháng cáo, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm lần thứ nhất, vào ngày 18/7/2013 Tòa án đã có Quyết định trưng cầu giám định lại đối với công trình 107A Đường A. Theo Báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng số 13/08-127/BCKĐ/HT-2013 của Công ty cổ phần T1 thì nguyên nhân gây hư hỏng nhà 107A Đường A là do tác động của quá trình thi công công trình 107B gây ra và do công trình 107A cũ kỹ nên dễ bị ảnh hưởng do tác động ngoại cảnh. Dự toán kinh phí sửa chữa khối nhà phía trước là 56.282.689 đồng và kinh phí sửa chữa khối nhà phía sau là 29.497.695 đồng, tổng cộng 85.780.000 đồng.

Do Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 1415/2013/QĐ-PT ngày 30/9/2013 của TAND TP.HCM bị Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao tại TP.HCM hủy vào ngày 06/02/2018 nên hồ sơ vụ án được giao cho TAND TP.HCM xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Theo lời xác nhận của các bên đương sự và tại Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 2943/GXN-THA ngày 19/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V thì phía nguyên đơn ông T, bà H đã nhận được tổng số tiền 128.072.000 đồng từ phía ông N, bà O, trong đó bao gồm 118.172.000 đồng tiền bồi thường chi phí sửa chữa và 9.900.000 đồng tiền chi phí kiểm định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn xác định đã sửa chữa xong công trình 107A, không tiến hành tháo dỡ xây mới khối nhà trước mà chỉ tiến hành sửa chữa toàn bộ. Điều này phần nào phù hợp với cách thức khắc phục mà Công ty cổ phần T1 đưa ra. Nguyên đơn trình bày toàn bộ chi phí sửa chữa là 150.000.000 đồng, tuy nhiên do thời gian đã quá lâu nên ông không cung cấp được hóa đơn, chứng từ. Phía ông T xác định tại thời điểm tiến hành trưng cầu giám định lại, ông đã thay mái tôn, lợp la-phông mới hơn 30.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy, qua đối chiếu hai bản kết quả kiểm định, tại phần khảo sát của Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng Sài Gòn thể hiện “mái tôn thấm dột nặng”, còn tại phần khảo sát của Công ty cổ phần T1 thể hiện “mái tôn được lợp mới”. Như vậy dự toán kinh phí sửa chữa của Công ty T1 chưa tính đến kinh phí ông T đã bỏ ra để lợp mới mái tôn. Hiện nay các bên đương sự đều không yêu cầu giám định và xác định lại giá của mái tôn. Tuy nhiên, theo kết quả giám định lại thì nguyên nhân gây hư hỏng nhà 107A là do cả hai nguyên nhân: do tác động của quá trình thi công mới nhà 107B và do công trình 107A cũ kỹ. Do đó ông T cũng phải chịu một phần chi phí trong việc khắc phục sửa chữa và chi phí này được trừ vào chi phí mà ông T đã bỏ ra để lợp mới mái tôn. Bị đơn cũng đồng ý bồi thường số tiền theo đúng kết luận của việc giám định lại. Từ những

phân tích trên, có cơ sở buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn chi phí sửa chữa là 85.780.000 đồng.

Do trong quá trình thi hành án trước đó, phía bị đơn đã giao số tiền 118.172.000 đồng bồi thường chi phí sửa chữa nên hiện nay ông T, bà H có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà O số tiền chênh lệch là 32.392.000 đồng.

[2] Đối với chi phí kiểm định:

Tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: “Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ chỉ có căn cứ một phần thì họ phải nộp chi phí giám định đối với phần yêu cầu của họ đã được chứng minh là không có căn cứ”.

Theo kết quả giám định lại thì chi phí bồi thường đã giảm từ 118.172.000 đồng xuống 85.780.000 đồng. Như vậy yêu cầu của nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần do đó nguyên đơn phải nộp chi phí giám định đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Tổng chi phí cho cả hai lần giám định là 29.900.000 đồng, như vậy nguyên đơn phải chịu chi phí giám định là 8.196.000 đồng, bị đơn phải chịu chi phí là 21.704.000 đồng. Bị đơn đã nộp xong chi phí.

Trong quá trình thi hành án trước đó, phía bị đơn đã giao số tiền 9.900.000 đồng tiền chi phí kiểm định cho nguyên đơn nên nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn số tiền là 8.196.000 đồng.

[3] Tổng cộng cả hai khoản chi phí sửa chữa và chi phí kiểm định thì nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn số tiền chênh lệch là 40.588.000 đồng.

[4] Ông N, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường cho phía nguyên đơn là 85.780.000 đồng. Do ông N, bà O là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N và bà O được miễn nộp án phí.

Ông N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 307; Điều 627; khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Xuân N.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huy T, bà Nguyễn Thị H.

Ông Võ Xuân N, bà Phan Thị Minh O có trách nhiệm bồi thường cho ông T, bà H số tiền chi phí sửa chữa công trình là 85.780.000 (Tám mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

2. Chi phí tố tụng: nguyên đơn phải chịu chi phí giám định là 8.196.000 (Tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Bị đơn phải chịu chi phí giám định là 21.704.000 (Hai mươi một triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn) đồng, bị đơn đã nộp xong.

3. Theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 2943/GXN-THA ngày 19/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V thì phía nguyên đơn ông T, bà H đã nhận được tổng số tiền 128.072.000 (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng từ phía ông N, bà O, trong đó bao gồm 118.172.000 (Một trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn) đồng tiền bồi thường chi phí sửa chữa và 9.900.000 (Chín triệu chín trăm nghìn) đồng tiền chi phí kiểm định.

Do đó ông T, bà H có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà O số tiền chênh lệch là 40.588.000 (Bốn mươi triệu năm trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

Ông N, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường cho phía nguyên đơn là 85.780.000 đồng. Do ông N, bà O là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N và bà O được miễn nộp án phí. Ông N, bà O được nhận lại số tiền án phí sơ thẩm đã nộp là 6.403.600 (Sáu triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm) đồng theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 2943/GXN-THA ngày 19/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V.

Ông N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 05267 ngày 10/12/2012 của Chi cục thi hành án dân sự quận V.

Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08097 ngày 20/6/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận V;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận V;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Kim Dung**